

Số: 107/BC-CTCPNS

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên**
- Giấy chứng nhận
đăng ký doanh
nghiệp số: 4600100109
Do Sở KH&ĐT Thái Nguyên cấp lần đầu
ngày 25/12/2009, cấp thay đổi lần 5 ngày
17/5/2018 về nội dung thay đổi đăng ký
doanh nghiệp.
- Vốn điều lệ : 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của
chủ sở hữu: 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Trụ sở chính : Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương,
TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại : (+84).0208.3851537
- Fax: (+84).0208.3852976
- Website : <http://www.thawaco.vn>
- Mã cổ phiếu : TNW

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên (theo Quyết định





số: 2691/QĐ- UBND ngày 22/10/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên). Công ty tiến hành phiên họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất vào ngày 20/12/2009 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2010.

Những dấu mốc kể từ ngày Công ty được thành lập:

- **Năm 1962:** Nhà máy nước Túc Duyên được thành lập.
- **Ngày 31/12/1992:** Doanh nghiệp Nhà nước: Nhà máy nước Bắc Thái được thành lập theo Quyết định số 753/QĐ-UB ngày 31/12/1992 UBND tỉnh Bắc Thái.
- **Ngày 24/11/1993:** Nhà máy nước Bắc Thái được đổi tên thành Công ty Cấp nước Bắc Thái, tại Quyết định số 746/UB-QĐ ngày 24/11/1993 UBND tỉnh Bắc Thái.
- **Ngày 04/4/1997:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 681/QĐ-UB về việc đổi tên Công ty Cấp nước Bắc Thái thành Công ty Cấp nước Thái Nguyên.
- **Ngày 07/10/2005:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2088/QĐ-UBND về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đổi tên Công ty Cấp nước Thái Nguyên thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên.
- **Ngày 22/10/2009:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2691/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.
- **Ngày 21/10/2014:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2338/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu doanh nghiệp và phương án phát hành cổ phần, tăng Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên lên 160 tỷ đồng.
- **Ngày 25/4/2017:** Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017.
- **Ngày 26/5/2017:** Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:

<u>Stt</u>	<u>Tên ngành</u>	<u>Mã ngành</u>
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước;	3600 (Chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;	4322
4	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
5	Xây dựng nhà các loại;	4210

Tin

6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật);	4290
7	Hoạt động tư vấn quản lý (tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình);	7020
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khoan thăm dò và khoan khai thác nước ngầm; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Thiết kế hệ thống cấp nước, thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp; Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp, công trình điện năng; Giám sát xây dựng công trình dân dụng, cấp thoát nước, đường dây và trạm điện;	7110
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy);	5221
12	Cho thuê xe có động cơ;	7710
13	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;	8130
14	Sản xuất khác chưa phân vào đâu (Chế tạo thiết bị ngành nước);	3290
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

Địa bàn kinh doanh:

- Thành phố Thái Nguyên;
- Thành phố Sông Công;
- Thành phố Phổ Yên và các vùng lân cận;
- Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đu, huyện Phú Lương và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai và các vùng lân cận;
- Thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ và các vùng lân cận;
- Khu công nghiệp Diêm Thủy và các vùng lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.

↙

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên
- Ban kiểm soát: 03 thành viên
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
 - + Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng: 04 thành viên
 - + Các phòng chức năng: 05
 - + Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: 01
 - + Chi nhánh xí nghiệp: 09

3.3. Công ty con: :

(1) Công ty TNHH Xây dựng công trình nước sạch Thái Nguyên

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 VND (Ba tỷ đồng)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

(2) Công ty TNHH Friend

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và tiêu thụ nước tinh khiết và các đồ uống không cồn, đồ uống có cồn.

- Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

4.4. Công ty liên kết:

(1) Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam

- Địa chỉ: Số 15, ngõ 155/74/20, phố Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

- Vốn điều lệ thực góp: 232.498.900.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai tỷ, bốn trăm chín tám triệu, chín trăm nghìn đồng).

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 35,91 % vốn điều lệ thực góp.

Tien

4. Định hướng phát triển:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hoàn thành Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên, đưa vào hoạt động nhà máy nước và hệ thống đường ống cấp nước mới vào hoạt động trong quý III năm 2022.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Thực hiện định hướng phát triển Định hướng cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước sạch (nước mặt và nước ngầm), tiết kiệm năng lượng, sử dụng các máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường ..., đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

5. Các rủi ro:

- Giá bán nước sinh hoạt (thẩm quyền do UBND tỉnh quyết định) chưa được điều chỉnh kịp thời khi chi phí sản xuất tăng lên.

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch của khách hàng sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến sản lượng, doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông, đô thị trong tỉnh đã buộc Công ty phải chi phí di chuyển, sửa chữa, thay mới các tuyến ống, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và kiểm soát thất thoát nước.

- Tỷ lệ hộ khách hàng sử dụng cả nguồn tự khai thác nước giếng khoan để sử dụng cao nên mức sử dụng nước bình quân các hộ hàng tháng thấp hơn mục tiêu tại Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh định hướng phát triển Định hướng cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xung đột vũ trang trên thế giới và thiên tai, dịch bệnh ở Việt Nam diễn biến hết sức phức tạp, khó lường ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, xã hội nói chung và ảnh hưởng đến mức độ tiêu thụ nước sạch của Công ty nói riêng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH	Tỷ lệ TH so năm 2020
1	Sản lượng nước thương phẩm	m ³	15.556.000	15.580.722	100,2 %	102,2 %
2	Tỷ lệ thất thoát nước	%	17,90	18,22	101,8 %	99,7 %
3	Phát triển khách hàng mới	hộ	2.500	2.536	101,4 %	108,4 %
4	Giá trị tổng sản lượng	đồng	175.155.000.000	193.648.000.000	110,6 %	104,3 %
5	Giải ngân dự án, công trình	đồng	417.234.000.000	111.070.000.000	26,6 %	81,2 %
6	Tổng doanh thu	đồng	193.307.000.000	198.220.829.146	102,5 %	106,2 %
7	Lợi nhuận sau thuế	đồng	8.750.000.000	5.729.523.636	65,5 %	82,4 %
	- Khu vực cổ phần	đồng	17.143.000.000	13.068.866.186	76,2 %	87,0 %
	- Khu vực chưa cổ phần	đồng	- 8.393.000.000	- 7.339.342.550	87,4 %	91,0 %
8	Cổ tức	%	7,5	7,0	93,3 %	122,8 %
9	Nộp ngân sách NN	đồng	14.485.000.000	11.225.023.525	77,5 %	82,4 %
10	Tổng số lao động	người	460	456	99,1 %	100,2 %
11	Thu nhập bình quân người lao động	đồng/ người/ tháng	8.100.000	8.400.000	103,7 %	103,7 %

Năm 2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi quốc gia trên thế giới. Trong nước, làn sóng dịch COVID-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, ảnh hưởng lớn đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế- xã hội.

Đối với Công ty, ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến sản lượng nước thương phẩm, chi phí sản xuất, doanh thu, lợi nhuận; năm 2021 là năm giá bán nước chưa được điều chỉnh ảnh hưởng lớn đến chỉ tiêu doanh thu (thời gian điều chỉnh giá bán nước sạch gần nhất là tháng 01/2019). Tốc độ tăng trưởng mạnh chủ yếu là khách hàng ở khu công nghiệp, khách hàng ở khu vực TP. Thái Nguyên không tăng trưởng do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, kéo dài nên các hoạt động kinh doanh nhà hàng, xông hơi, mát-xa, gội đầu, karaoke, bể bơi, dịch vụ du lịch bị cấm hoạt động hoặc hoạt động hạn chế kéo dài, sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở nhà học trực tuyến dài ngày.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách Ban điều hành:

(Handwritten signature)

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết gồm cả CP đại diện (Tính đến ngày 31/12/2021)
1.	Nguyễn Xuân Học	TGD	1971	Cử nhân Kinh tế	3.449.232
2.	Nguyễn Văn Tiến	PTGD	1969	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp	1.656.984
3.	Nguyễn Bá Quyết	PTGD	1976	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Kỹ sư Cấp Thoát nước	0
4.	Nông Quốc Bình	PTGD	1962	Kỹ sư Kinh tế	0
5.	Nguyễn Minh Phương	Kế toán trưởng	1984	Cử nhân Kế toán	0

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có.

2.3 Số lượng cán bộ CNV-LĐ thuộc công ty tính đến hết ngày 31/12/2021:

Tổng số lao động: 456 người (Bao gồm cả 44 người của 02 công ty con)

2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước, quy chế nội bộ không có thay đổi lớn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Giải ngân 111.070 triệu đồng thuộc Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 Công ty TNHH Xây dựng công trình Nước sạch Thái Nguyên phải trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi lớn nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bị lỗ. Công ty Friend và Công ty liên kết đều bảo toàn vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận nhưng chỉ tiêu về khả năng sinh lời chưa cao.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính (theo Báo cáo tài chính hợp nhất):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	655.882.418.243	812.332.065.298	23,9
	- Tài sản ngắn hạn	đồng	211.571.564.220	187.609.612.305	(11,3)

TW

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
	- Tài sản dài hạn	đồng	444.310.854.023	624.722.452.993	40,6
2	Doanh thu thuần	đồng	185.851.280.215	196.230.765.853	5,6
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	đồng	10.110.356.823	9.365.065.246	(6,5)
4	Lợi nhuận khác	đồng	(99.544.977)	19.944.726	120
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	10.010.811.846	9.385.009.972	(6,3)
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	6.956.578.646	5.729.523.636	(17,64)
	- Khu vực cổ phần	đồng	15.024.152.095	13.068.866.186	(13,01)
	- Khu vực chưa cổ phần	đồng	(8.067.573.449)	(7.339.342.550)	(9,03)
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	434,79	358,10	(17,6)
	- Khu vực cổ phần	đồng	939	817	(13,0)

b). Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Chỉ tiêu		Năm 2020	Năm 2021
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	0,99	0,62
	- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,91	0,57
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,65	0,72
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,84	2,60
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	lần	4,50	4,95
	- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	lần	0,28	0,24
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số P sau thuế/ DT thuần	lần	0,037	0,029
	- Hệ số P sau thuế/ Vốn CSH	lần	0,030	0,025
	- Hệ số P sau thuế/ Tổng TS	lần	0,011	0,007
	- Hệ số P từ HĐKD/ DT thuần	lần	0,054	0,048

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 16.000.000 cổ phần, bao gồm 100% là cổ phần phổ thông, trong đó:

+ Số lượng cổ phần do Nhà nước sở hữu: 6.763.200 cổ phần

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 16.000.000 cổ phần

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

- Ngày 25/4/2017 Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017:

+ Tên chứng khoán: *Cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên*

+ Mã chứng khoán: *TNW*

+ Mã ISIN: *VN000000TNW1*

+ Sàn giao dịch: *UPCOM*

+ Mệnh giá: *10.000 đồng (Mười nghìn đồng)*

+ Loại chứng khoán: *Cổ phiếu phổ thông*

+ Số lượng cổ phiếu đăng ký: *16.000.000 cổ phiếu*

+ Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: *160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng)*

+ Hình thức đăng ký: *Ghi sổ*

- Ngày 26/5/2017 Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

b) Cơ cấu cổ đông (Tại thời điểm tháng 31/12/2021):

(1) Cơ cấu theo cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:

- Cổ đông lớn:	03 CĐ, nắm giữ	93,32%	Vốn Điều lệ
- Cổ đông nhỏ:	371 CĐ, nắm giữ	6,68%	Vốn Điều lệ

(2) Cơ cấu cổ đông là tổ chức và cổ đông cá nhân:

- Cổ đông là tổ chức:	02 CĐ, nắm giữ	83,27%	Vốn Điều lệ
- Cổ đông là cá nhân:	372 CĐ, nắm giữ	16,73%	Vốn Điều lệ

(3) Cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài:

- Cổ đông trong nước:	374 CĐ, nắm giữ	100%	Vốn Điều lệ
- Cổ đông nước ngoài:	không có		

TƯ

(4) Cơ cấu cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác

- | | | |
|---------------------|------------------------|-------------|
| - Cổ đông nhà nước: | 01 CĐ, nắm giữ 42,27% | Vốn Điều lệ |
| - Cổ đông khác: | 373 CĐ, nắm giữ 57,73% | Vốn Điều lệ |

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không có sự thay đổi.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có.

e) *Các chứng khoán khác:* Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Nước: 19.893.428 m³
- Clo lỏng: 87.667 kg
- Javen công nghiệp: 110.553 kg
- Phèn kép: 231.320 kg
- Vôi bột: 50.680 kg

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

a) Điện năng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 6.041.951 KWh.

b) Điện năng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước ngầm và nước sông Công. Lượng nước sử dụng: 19.893.428 m³ dùng làm nguyên liệu để sản xuất nước sinh hoạt.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Từ

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động: 456 người, mức tiền lương trung bình đối với người lao động: 8.400.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo pháp luật lao động hiện hành, hỗ trợ kinh phí cho người lao động phòng, chống dịch Covid-19 và nghỉ dưỡng sức tại nhà.

c) Hoạt động đào tạo:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 12 giờ/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Học tập kỹ năng giao tiếp với khách hàng; học tập về công tác an toàn vệ sinh lao động; học tập về các văn bản của Đảng, pháp luật mới của Nhà nước...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo mạng đường ống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cấp nước; đầu tư mới hệ thống mạng đường ống cấp nước để mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được cấp nước.

Tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện - xã hội do chính quyền địa phương và các đoàn thể chính trị - xã hội phát động.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2021 Ban Tổng Giám đốc đã tập trung điều hành quyết liệt nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đề ra, bảo đảm vừa sản xuất kinh doanh ổn định, kiểm soát tốt an ninh nguồn nước, chất lượng nước tại các nhà máy, an toàn cấp nước trên địa bàn của Công ty, bảo đảm an toàn lao động, an ninh trật tự trong Công ty vừa bảo đảm công tác phòng, chống dịch Covid-19, đời sống, việc làm, tiền lương và các chế độ của người lao động.

Bên cạnh đó còn tồn tại một số mục tiêu, nhiệm vụ, kỳ vọng đặt ra trong năm 2021 chưa đạt được như:

- Tỷ lệ thất thoát nước thương phẩm cao hơn kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu do trong tỉnh có rất nhiều các dự án thi công mở rộng, nâng cấp đường giao thông, công trình

TW

hạ tầng kỹ thuật đô thị ảnh hưởng đến các tuyến ống, gây ra nhiều sự cố vỡ ống; việc đầu tư cho công tác chống thất thoát còn hạn chế.

- Việc điều chỉnh giá bán nước và điều chỉnh cơ cấu giá bán nước sinh hoạt về một giá chưa được UBND tỉnh phê duyệt.

- Công tác cơ cấu, sáp nhập các đơn vị cấp huyện, phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty, giải quyết các khoản lỗ của các xí nghiệp do UBND tỉnh giao Công ty quản lý chưa được UBND tỉnh giải quyết.

- Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên bị chậm tiến độ thi công do ảnh hưởng dịch Covid-19, phải xin gia hạn thời gian thi công.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản: Tổng giá trị tài sản năm 2021 là 812,332 tỷ đồng, tăng 156,449 tỷ đồng tương ứng tăng 23,9% so năm 2020. Về cơ cấu Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 23,0 %.

b) Tình hình nợ phải trả, các chỉ tiêu tài chính:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 0,62 lần.

- Hệ số thanh toán nhanh: 0,57 lần.

- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản: 0,72 lần.

- Hệ số Nợ/ Vốn Chủ sở hữu: 2,6 lần.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Xây dựng quy chế đánh giá hiệu quả công việc lao động hằng tháng, có cơ chế thưởng cán bộ, người lao động có thành tích mang lại hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Hoàn thành Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên.

- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống đường ống truyền tải và phân phối để mở rộng vùng cấp nước, phát triển khách hàng mới để phát huy công suất nhà máy nước Nam Núi Cốc thuộc dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên.

- Đầu tư các thiết bị tiên tiến để kiểm soát vận hành nhà máy và hệ thống mạng cấp nước.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp dây truyền sản xuất nhằm nâng cao và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ ảnh hưởng đến chất lượng cung cấp và gây thất thoát nước lớn.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và kiến nghị với UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những vùng Công ty đủ điều kiện dịch vụ cung cấp nước sạch phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

Tin

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Đơn giá tính Thuế tài nguyên Công ty đang thực hiện theo quy định tại Quyết định 35/2020/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2021 và được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt trong phương án điều chỉnh giá bán nước sạch năm 2019 theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 01/02/2019.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):* Công ty luôn quản lý, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát vùng bảo hộ vệ sinh nguồn nước sản xuất theo quy định.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:* Cán bộ, người lao động trong Công ty là những người được đào tạo cơ bản, có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng Công ty phát triển.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:* Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và công tác xã hội tại địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhất trí theo báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

- *Ưu điểm:* Trong tình hình diễn biến dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch đề ra, có nhiều nỗ lực, giải pháp tích cực nhằm thực hiện kế hoạch sản lượng nước thương phẩm, bảo đảm an toàn về tài sản, an toàn lao động; bảo đảm đời sống, việc làm, thu nhập và mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp.

- *Hạn chế:* Cần đề ra nhiều giải pháp hơn nữa để tháo gỡ các tồn tại đã nêu tại báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Công tác sản xuất nước sạch và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước sạch là nhiệm vụ trọng tâm.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển

sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là phát triển cấp nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tiếp tục rà soát để tổ chức bộ máy gọn nhẹ, linh hoạt, phù hợp với tính chất ngành nghề, nâng cao chất lượng cán bộ, người lao động.

- Tiếp tục xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật để nâng cao công tác quản lý, giám sát; xây dựng mô hình khoán hiệu quả, phù hợp đối với từng lĩnh vực.

- Kiến nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh giá bán nước sạch khi có các biến động về chi phí sản xuất ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, hướng tới giá nước sinh hoạt khu vực cổ phần không áp dụng dụng giá lũy tiến để khuyến khích người dân sử dụng nước bảo đảm vệ sinh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, tăng thu cho ngân sách nhà nước. Kiến nghị với UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những vùng Công ty đủ điều kiện dịch vụ cung cấp nước sạch phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hoàn thành dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên bằng nguồn vốn vay ADB và vốn Công ty;

- Tập trung đầu tư dự án xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho khu hành chính mới, các khu dân cư trên địa bàn huyện Đồng Hỷ và các vùng lân cận;

- Tiếp tục đầu tư thay thế các tuyến ống cũ, ống thép cũ trước đồng hồ, sửa chữa lớn các tài sản cố định đã hư hỏng, xuống cấp; đầu tư đường ống bổ sung lưu lượng cấp nước cho khu vực trung tâm thành phố Thái Nguyên, phía Tây, phía Bắc thành phố Thái Nguyên, bổ sung hệ thống đường ống mới để phát triển cấp nước các khu vực dân cư tập trung đông.

- Đầu tư thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin tiến tiến trong quản lý sản xuất nước sạch, quản lý khai thác tài nguyên nước, quản lý chống thất thu, thất thoát, an toàn vệ sinh lao động, nâng cao chất lượng công tác thông tin, giao dịch với khách hàng (Ghi số đồng hồ, thu ngân, tiếp nhận thông tin của khách hàng...), trong đó ưu tiên nội dung đầu tư để đáp ứng theo yêu cầu quy định của pháp luật nhà nước.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Số CP có quyền biểu quyết (Tính đến ngày 31/12/2020)	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại công ty khác
1	Nguyễn Quang Mão	8.167.446	Chủ tịch HĐQT	- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn quốc tế Đông Á. - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư phát

TƯ

				triển Ngô Việt Nam. - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng. - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước sạch Hưng Yên. - Chủ tịch HĐQT Công ty DOINCO Việt Nam.
2	Nguyễn Xuân Học	3.449.232	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	
3	Nguyễn Văn Tiến	1.656.984	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam.
4	Nguyễn Bá Quyết	0	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	
5	Nông Quốc Bình	0	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã có 19 phiên họp để xem xét và quyết định các nội dung theo thẩm quyền và nghĩa vụ quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các buổi họp của HĐQT đều mời đại diện BKS tham dự. Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung và kết quả các cuộc họp được phản ánh đầy đủ tại Báo cáo Quản trị năm 2021 đã được công bố thông tin theo quy định.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: HĐQT chưa có thành viên độc lập.

e) Danh sách các thành viên HĐQT đào tạo về quản trị Công ty:

TT	Họ và Tên	Trình độ đào tạo
1	Nguyễn Bá Quyết	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2	Nông Quốc Bình	Kỹ sư Kinh tế
3	Nguyễn Văn Tiến	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP có quyền biểu quyết (Tính đến ngày 31/12/2021)
1	Vũ Khánh Lâm	Trưởng Ban	0
2	Hoàng Thị Huệ	Thành viên	13.611
3	Thân Hương Lan	Thành viên	0

Trần

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

- BKS đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Tổ chức 05 cuộc họp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; bám sát Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cụ thể: Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ; xem xét đánh giá kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

- Tham gia với HĐQT trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát chi trong năm 2021:

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: VND

TT	Diễn giải	Lương+ phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Các khoản khác (lễ, tết)	Tổng cộng
I	HĐQT, Ban TGD					
1	Nguyễn Quang Mai	132.000.000	100.000.000	528.000.000	8.200.000	768.200.000
2	Nguyễn Xuân Học	362.816.000	100.000.000	115.200.000	8.200.000	586.216.000
3	Nguyễn Bá Quyết	297.879.000	100.000.000	115.200.000	8.200.000	521.279.000
4	Nguyễn Văn Tiến	254.121.000	100.000.000	115.200.000	8.200.000	477.521.000
5	Nông Quốc Bình	251.876.000	100.000.000	115.200.000	8.200.000	475.276.000
II	Ban Kiểm Soát					
1	Vũ Khánh Lâm		80.000.000	330.000.000	8.200.000	418.200.000
2	Hoàng Thị Huệ	165.240.900	60.000.000	84.480.000	8.200.000	317.920.900
3	Thân Hương Lan		60.000.000	184.800.000	8.200.000	253.000.000
III	Cán bộ quản lý					
1	Nguyễn Minh Phương	396.000.000	80.000.000	0	4.000.000	480.000.000
2	Đặng Thị Duyên	280.862.000	60.000.000	0	8.200.000	349.062.000

TW

TT	Diễn giải	Lương+ phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Các khoản khác (lễ, tết)	Tổng cộng
3	Trần Tiến Soạn	283.868.800	60.000.000	0	8.200.000	352.068.800
4	Lê Huy Phú	360.494.600	60.000.000	0	8.200.000	428.694.600
5	Phạm Thị Thanh Ngân	207.338.300	60.000.000	0	4.200.000	271.538.300
6	Nguyễn Thị Nhâm	266.183.700	60.000.000	0	8.200.000	334.383.700
7	Phạm Quốc Hùng	303.842.100	60.000.000	0	8.200.000	372.042.100
8	Phạm Đức Mạnh	309.253.400	60.000.000	0	8.200.000	377.453.400
9	Hà Văn Hải	439.577.100	60.000.000	0	8.200.000	507.777.100
10	Phạm Hồng Hà	252.801.100	60.000.000	0	8.200.000	321.001.100
11	Nguyễn Huy Quỳnh	198.743.100	60.000.000	0	8.200.000	266.943.100

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2021: Tại Phụ lục 1 kèm theo.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Xây dựng công trình Nước sạch Thái Nguyên (Là Công ty con) về việc thi công mở mạng phát triển khách hàng mới trên hệ thống mạng cấp nước của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty, đặc biệt là tuân thủ Điều lệ Công ty, có kế hoạch rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản nội bộ để bảo đảm phù hợp với quy định của các văn bản pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên: Ngoại trừ vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Như trình bày tại Thuyết minh số 8.7 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2021, Lợi nhuận trước thuế để tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty không bao gồm kết quả hoạt động của các Xí nghiệp Nước sạch Trại Cau, Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ, Xí nghiệp Nước sạch Võ Nhai, Trạm Nước sạch Phú Lương và Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Điềm Thụy (Đây là các Xí nghiệp thuộc Công ty được UBND tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ quản

Tm

lý và điều hành hoạt động theo các quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên). Theo công văn số 3331/UBND-KTTH ngày 02/12/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về thực hiện thông báo số 811/TB-BTC ngày 10/11/2014 của Bộ Tài chính, công văn yêu cầu Sở Tài chính phối hợp Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Quản lý giá tham mưu cho UBND tỉnh hoàn thiện đề án bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và giải quyết bù trừ lỗ của các Xí nghiệp nước sạch các huyện, từ nguồn cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên. Tại thời điểm 31/12/2021 số lỗ lũy kế của các đơn vị trên là 81.159.096.191 VND. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND tỉnh Thái Nguyên vẫn chưa giải quyết bù trừ lỗ cho Công ty.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Ban lãnh đạo Công ty đã xác nhận Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021, được công bố thông tin theo quy định và đăng tải trên địa chỉ Website của Công ty: <http://nuocsachthainguyen.vn> ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Quang Mãi



Phụ lục 1

DANH SÁCH VÀ THÔNG TIN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ - NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
						Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	UBND Tỉnh Thái Nguyên		Cổ đông Nhà nước		Số 18 đường Nha Trang, TP Thái Nguyên	6.763.200	42,27	6.763.200	42,27	
1.1	Nguyễn Xuân Học		Người đại diện Phụ trách chung vốn Nhà nước	CMND:090669837 cấp ngày 29/7/2014 nơi cấp Công an Tỉnh Thái Nguyên	Tổ 5 (tổ 8 cũ), phường Phan Đình Phùng - thành phố Thái Nguyên	3.449.232	21,56	3.449.232	21,56	
1.2	Nguyễn Văn Tiến		Người đại diện vốn Nhà nước	CCCD:019069014171 cấp ngày 11/8/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH	Tổ 9 (tổ 26 cũ), Phường Hoàng Văn Thụ - thành phố Thái Nguyên	1.656.984	10,36	1.656.984	10,36	
1.3	Lê Huy Phú		Người đại diện vốn Nhà nước	CMND:090880326 cấp ngày 17/7/2010 nơi cấp Công an Tỉnh Thái Nguyên	Tổ 6 - P. Tân Lập - Thành Phố Thái Nguyên	1.656.984	10,36	1.656.984	10,36	
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á		Cổ đông lớn	Số ĐKKD 101933309 đăng ký ngày 31/10/2015	Số 85- Nguyễn Văn Trỗi-Phường Liệt-Thanh Xuân-Hà Nội	6.560.000	41,00	6.560.000	41,00	



Tm

3	Nguyễn Quang Mãi	073C007266 mở tại Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall	Chủ tịch HDQT	CCCD: 24077000325, Ngày cấp 17/4/2018, Nơi cấp Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và đr liệu quốc gia về dân cư	Số nhà 2601, nhà R1, Khu đô thị Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	1.607.446	10,05	1.607.446	10,05	
3.1	Nguyễn Thị Cúc		Vợ ông Nguyễn Quang Mãi	CMND: 013122192, Ngày cấp 02/10/2008, Nơi cấp Công an thành phố Hà Nội		0	0,00	0	0,00	
3.2	Nguyễn Linh Phuong		Con gái ông Nguyễn Quang Mãi			Số nhà 2601, nhà R1, Khu đô thị Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0,00	0	0,00
3.3	Nguyễn Khánh Vân		Con gái ông Nguyễn Quang Mãi			0	0,00	0	0,00	
4	Nguyễn Xuân Học	073C590005 tại Công ty cổ phần chứng khoán phố Wall	Thành viên HDQT - Tổng Giám đốc Công ty	CMND:090669837 cấp ngày 29/7/2014 nơi cấp Công an Tỉnh Thái Nguyên	Tổ 5 (tổ 8 cũ), phường Phan Đình Phùng - thành phố Thái Nguyên	-	0,000	-	0,000	
4.1	Nguyễn Thị Nhâm	073C590028 tại Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall	Vợ ông Nguyễn Xuân Học	CMND: 090767964 cấp ngày 18/1/2017 nơi cấp Công an Tỉnh Thái Nguyên		-	0,000	-	0,000	
4.2	Nguyễn Xuân Tiến		Con trai ông Nguyễn Xuân Học	CMND: 091849442, Ngày cấp 14/4/2011, Nơi cấp Công an tỉnh Thái Nguyên		-	0,000	-	0,000	
4.3	Nguyễn Thị Khánh Linh		Con gái ông Nguyễn Xuân Học			-	0,000	-	0,000	

5	Nguyễn Bá Quyết	073C100366 mở tại Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty	CMND số: 141786366, Ngày cấp 29/03/2008, Nơi cấp: CA Hải Dương	SN 55 Vũ Văn Dũng - Phường Quang Trung - Thành phố Hải Dương	-	0,000	-	0,000	
5.1	Vũ Thị Hà		Vợ ông Nguyễn Bá Quyết	CMND số: 141786513 Ngày cấp 22/4/2013, Nơi cấp: CA Hải Dương		-	0,000	-	0,000	
5.2	Nguyễn Hoàng Anh		Con trai ông Nguyễn Bá Quyết	Số hộ chiếu: C4118314 ngày cấp 7/11/2017 - 7/11/2027	SN 55 Vũ Văn Dũng - Phường Quang Trung - Thành phố Hải Dương	-	0,000	-	0,000	
5.3	Nguyễn Hà Trang		Con gái ông Nguyễn Bá Quyết			-	0,000	-	0,000	
6	Nông Quốc Bình	073C002157 tại Công ty cổ phần chứng khoán phố Wall	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty	CCCD số: 019062001067 ngày cấp: 25/4/2021		-	0,000	-	0,000	
6.1	Trần Thị Quý		Vợ ông Nông Quốc Bình	CCCD: 024171002405, ngày cấp 25/4/2021	Tổ 5, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	-	0,000	-	0,000	
6.2	Nông Thị Hồng Duyên		Con gái ông Nông Quốc Bình	CCCD: 019303003556, ngày cấp 20/4/2021		-	0,000	-	0,000	
7	Nguyễn Văn Tiến	073C590013 tại Công ty cổ phần chứng khoán phố Wall	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty	CCCD: 019069014171 cấp ngày 11/8/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH	Tổ 9 (tổ 26 cũ), Phường Hoàng Văn Thụ - thành phố Thái Nguyên	-	0,000	-	0,000	



7/20

7.1	Nguyễn Thị Thúy		Vợ ông Nguyễn Văn Tiến	CCCD: 019176007691, Ngày cấp 11/8/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH	Tổ 9 (tổ 26 cũ), Phường Hoàng Văn Thụ - thành phố Thái Nguyên	-	0,000	-	0,000	
7.2	Nguyễn Thảo Nguyễn		Con gái ông Nguyễn Văn Tiến	CMND: 091880446 cấp ngày 13/4/2015 nơi cấp Công an tỉnh Thái Nguyên		-	0,000	-	0,000	
7.3	Nguyễn Minh Quân		Con trai ông Nguyễn Văn Tiến			-	0,000	-	0,000	
8	Nguyễn Minh Phương		Kế toán trưởng Công ty	Thẻ căn cước:001084010700 Ngày cấp 23/9/2015, Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu Quốc gia về dân cư	P1610, CT10C, KĐT Đại Thanh, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	-	0,000	-	0,000	
8.1	Phạm Thanh Huyền		Vợ ông Nguyễn Minh Phương	CMND: 017492293 cấp ngày 28/9/2013 nơi cấp Công an tỉnh Thái Nguyên	P1610, CT10C, KĐT Đại Thanh, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	-	0,000	-	0,000	
8.2	Nguyễn Khánh Chi		Con gái ông Nguyễn Minh Phương			-	0,000	-	0,000	

9	Vũ Khánh Lâm		Trưởng Ban Kiểm soát	Thẻ căn cước số: 015085000024 cấp ngày:26/3/2018 , Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu Quốc gia về dân cư	75 Nguyễn Tam Trinh, Mai động, Hoàng Mai, Hà Nội	-	0,000	-	0,000	
9.1	Phạm Thanh Hương		Vợ ông Vũ Khánh Lâm	Thẻ căn cước số: 015188000075, Ngày cấp:11/6/2018, Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu Quốc gia về dân cư		-	0,000	-	0,000	
10	Thân Hương Lan		Kiểm soát viên	Thẻ căn cước số: 024193000113, Ngày cấp 31/8/2016, Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu Quốc gia về dân cư	Ngọc Vân - Tân Yên – Bắc Giang	-	0,000	-	0,000	
10.1	Lê Tiến Dũng		Chồng bà Thân Hương Lan	CMND: 230714319, Ngày cấp 06/2/2017; Nơi cấp CA tỉnh Gia Lai	Thị trấn Kbang, Huyện Kbang, Gia Lai	-	0,000	-	0,000	
11	Hoàng Thị Huệ		Kiểm soát viên	CMND: 090762615, Ngày cấp 27/3/2010, Nơi cấp CA Thái Nguyên	Tổ 8, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh TN	13.611	0,085	13.611	0,085	
11.1	Nguyễn Huy Biên		Chồng bà Hoàng Thị Huệ	CMND: 90745509, Ngày cấp 20/3/2010, Nơi cấp CA Thái Nguyên		9.632	0,060	9.632	0,060	
11.2	Nguyễn Thu Hà		Con gái bà Hoàng Thị Huệ		Tổ 8, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái	-	0,000	-	0,000	

11.3	Nguyễn Công Tráng		Con trai bà Hoàng Thị Huệ		Nguyên, Tỉnh Thái nguyên	-	0,000	-	0,000	
12	Đỗ Thị Thanh Hương	073C590158 tại Công ty cổ phần chứng khoán phố Wall	Người được ủy quyền công bố thông tin	CMND: 090884636, Ngày cấp 15/7/2017, Nơi cấp CA Thái Nguyên	Tổ 8 Phường Đồng Quang Thành phố Thái Nguyên	-	0,000	-	0,000	
12.1	Trần Quốc Tuấn		Chồng bà Đỗ Thị Thanh Hương	CMND: 090691957, Ngày cấp 15/12/2014, Nơi cấp CA Thái Nguyên		-	0,000	-	0,000	
12.2	Trần Quốc Thái		Con trai bà Đỗ Thị Thanh Hương	CMND: 092090431, Ngày cấp 01/4/2020, Nơi cấp CA Thái Nguyên		-	0,000	-	0,000	
12.3	Trần Xuân Bách		Con trai bà Đỗ Thị Thanh Hương			-	0,000	-	0,000	
13	Lê Huy Phú		Người đại diện vốn Nhà nước, Thư ký Công ty	CMND: 090880326 cấp ngày 17/7/2010 nơi cấp Công an Tỉnh Thái Nguyên		48		48		
13.1	Trần Thu Huyền		Vợ ông Phú	CMND: 091045654 cấp ngày 26/8/2018 nơi cấp Công an Tỉnh Thái Nguyên	Tổ 6 - P. Tân Lập - Thành Phố Thái Nguyên	-		-		
13.2	Lê Trần Minh		Con trai ông Phú			-		-		
13.3	Lê Nhật Linh		Con gái ông Phú		Tổ 6 - P. Tân Lập - Thành Phố Thái Nguyên	-		-		
	Tổng cộng					14.953.937	93,46	14.953.937	93,46	